



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: / QĐ - VPCNCL ngày tháng 12 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phân viện Vật liệu xây dựng Miền Nam**

Laboratory: **South Vietnam institute for building materials**

Cơ quan chủ quản: **Viện Vật liệu xây dựng**

Organization: **Institute for building materials**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Vật liệu xây dựng**

Field of testing: **Civil – Engineering**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Lê Văn Quang**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Lê Văn Quang	Các phép thử được công nhận Accredited tests
2.	Nguyễn Hữu Tài	
3.	Phạm Toàn Thắng	

Số hiệu/ Code: **VILAS 500**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày /12/2023 đến ngày /12/2026.

Địa chỉ/ Address:

235 Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
235 Nguyen Trai, Thanh Xuan Trung Ward, Thanh Xuan Dist, Ha Noi City

Địa điểm/Location:

Lô I-3b-5, Đường N6, khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Lot I-3b-5 Road N6, Hight tech Park, Tan Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: **028 37305015**

Fax: **028 373050156**

E-mail: **scbmvn@gmail.com**

Website: **www.scbmvn.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 500**Lĩnh vực thử nghiệm: **Vật liệu xây dựng**Field of testing: **Civil - Engineering**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Đá ốp lát tự nhiên <i>Natural stone facing slabs</i>	Xác định độ bền uốn <i>Determinaiton of mudulus of rupture</i>	-	TCVN 4732:2016 và/and TCVN 6415-4:2016
2.		Xác định độ chịu mài mòn bề mặt <i>Determination of surface abrasion resistance</i>	-	TCVN 4732:2016
3.	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ <i>Artificial stone slabs based on organic binders</i>	Xác định độ bền uốn <i>Determinaiton of mudulus of rupture</i>	-	TCVN 8057:2009 và/and TCVN 6415-4:2016
4.		Xác định độ chịu mài mòn sâu <i>Determination of resistance to deep abrasion</i>	-	TCVN 8057:2009 và/and TCVN 6415-6:2016
5.	Gạch gốm ốp lát <i>Ceramic floor and wall tiles</i>	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt <i>Determination of dimension and surface quality</i>	-	TCVN 6415-2:2016
6.		Xác định độ hút nước. Phương pháp chân không <i>Determination of water absorption. Vacuum method</i>	-	TCVN 6415-3:2016
7.		Xác định độ bền uốn <i>Determination of mudulus of rupture</i>	-	TCVN 6415-4:2016
8.		Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch không phủ men <i>Determination of deep abrasion resistance of unglazed tiles</i>	-	TCVN 6415-6:2016
9.		Xác định độ mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men <i>Determination of resistance to surface abrasion for glazed tiles</i>	-	TCVN 6415-7:2016
10.		Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài <i>Determination of coefficient of linear thermal expansion</i>	-	TCVN 6415-8:2016
11.		Xác định hệ số giãn nở ẩm <i>Determination of coefficient of moisture expansion</i>	-	TCVN 6415-10:2016

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 500

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
12.	Gạch gốm ốp lát <i>Ceramic floor and wall tiles</i>	Xác định độ bền hóa học <i>Determination of chemical resistance</i>	-	TCVN 6415-13:2016 (ISO 10545-13:2015)
13.		Xác định độ bền chống bám bẩn <i>Determination of resistance to stains</i>	-	TCVN 6415-14:2016 (ISO 10545-14:1995)
14.	Clanhke, xi măng <i>Clinker, cement</i>	Xác định hàm lượng mất khi nung <i>Determination of lost on ignition (L.O.I) content</i>	-	TCVN 141:2008
15.		Xác định hàm lượng SO ₃ <i>Determination of SO₃ content</i>	-	
16.	Thép cốt bê tông <i>Steel for the reinforcement of concrete</i>	Thử kéo (xác định giới hạn chảy, độ bền kéo, độ giãn dài) <i>Tensile test (Determination of yield strength, tensile strength, elongation)</i>	Đến/ up to: 1 000 kN	TCVN 7937-1:2013 TCVN 197-1:2014
17.		Thử uốn <i>Bend test</i>	-	TCVN 7937-1:2013 TCVN 198:2008
18.	Sơn tường dạng nhũ tương <i>Wall emulsion paints</i>	Xác định độ bám dính của màng sơn <i>Determination of adhesive of paint film</i>	-	TCVN 2097:2015
19.		Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn <i>Determination of heat sock resistance of paint film</i>	-	TCVN 8653-5:2012
20.		Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn <i>Determination of scrub resistance of paint film</i>	-	TCVN 8653-4:2012

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ Vietnam national standard 